

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn T Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Bà Võ Thị V, sinh năm 1950.

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T và chị D có mặt tại phiên tòa. Bà V có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, anh Lê Thanh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy D cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn thì đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, đến năm 2008 sinh bé X thì trở về sinh sống tại ấp L, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp, hôn nhân có tìm hiểu trước một thời gian, thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến thường hay cãi nhau, anh bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê từ tháng 4 năm 2017 đến nay không còn sống chung, anh và chị D ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân hai bên có gặp nhau bàn chuyện hàn gắn, cha, mẹ hai bên có gặp nhau bàn chuyện hàn gắn nhưng không thành. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy D vì tình cảm không còn.

+ Về con chung: Trong thời gian sống chung với chị Nguyễn Thị Thúy D chúng tôi có con chung tên Lê Nguyễn X, sinh ngày 07/6/2008. Trong đơn khởi kiện, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D cấp dưỡng, nay anh thay đổi ý kiến: Thống nhất giao con chung tên Lê Nguyễn X, sinh ngày 07/6/2008 cho chị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung với chị Nguyễn Thị Thúy D, anh chị không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn, chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày: Chị cũng thống nhất theo lời trình bày của anh Lê Thanh T, chị và anh T cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, sau khi kết hôn thì đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, đến năm 2008 sinh bé X thì trở về sinh sống

tại ấp L, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp, hôn nhân có từ trước một thời gian, thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2017 anh T lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê và thường xuyên về thăm vợ, con, đến tháng 6 năm 2017 thì anh T điện thoại về nói có sống chung với người khác và có con sau đó thì anh T đòi ly hôn, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì hết. Nay anh T yêu cầu ly hôn chỉ không đồng ý vì còn thương chồng con.

+ Về con chung: Trong thời gian sống chung với anh Lê Thanh T chúng tôi có con chung tên Lê Nguyễn X, sinh ngày 07/6/2008, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh T, về con chung: Có một con chung tên Lê Nguyễn X, sinh ngày 07/6/2008, do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh T nên không đặt ra xem xét, về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị Thúy D được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị D, nhưng chị D không đồng ý ly hôn do còn thương chồng con.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo cho anh T cung cấp chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn giữa anh chị nhưng anh T nhận được thông báo của Tòa án mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị, ngoài ra anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do anh nghi ngờ chị D có quan hệ bất chính với người khác nhưng anh không trực tiếp phát hiện và không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đồng thời, Tòa án xác minh về mối quan hệ vợ chồng của anh chị thì bà Võ Thị V là mẹ ruột của anh T sống cùng gia đình với vợ chồng anh T cũng thừa nhận vợ chồng anh T không có mâu thuẫn gì hết mà không hiểu lý do gì anh T tự ý bỏ nhà đi còn yêu cầu ly hôn với chị D và chị D được bà V đánh giá sống rất tốt với cha mẹ chồng và chòm xóm, tuy anh T bỏ đi mà chị D vẫn làm tròn công việc của một con dâu, vẫn mua bán hàng ngày để nuôi dưỡng cha mẹ chồng và con. Bà Võ Thị V có ý kiến không cho vợ chồng anh T, chị D ly hôn để anh T về sống với vợ con và lo cho gia đình êm ấm, hạnh phúc. Từ các phân tích trên thể hiện mâu thuẫn giữa anh T và chị D chỉ là sự nghi ngờ của cá nhân anh T là chị D có quan hệ bất chính với người khác nhưng anh không chứng minh được sự nghi ngờ đó và ngoài ra anh T không chứng minh được mâu thuẫn gì khác. Vì vậy tình cảm của vợ chồng của anh T và chị D chưa đến mức độ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh T để vợ chồng anh chị có thời gian đoàn tụ, tìm hiểu và xây dựng gia đình hạnh phúc.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Lê Nguyễn X, sinh ngày 07/6/2008, do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh T và chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh T và chị D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn anh Lê Thanh T chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 14519 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 229, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh T.
2. Về con chung: Lê Nguyễn X, sinh ngày 07/6/2008. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T nên về con chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Thanh T chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 14519 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự (anh T không phải nộp thêm). Chị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Chí Thúc